

QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẠNG THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

a) Điều kiện xét tuyển thặng:

Các thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được xét tuyển thặng nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

- *Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học:* đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT sau đây của Đại học Quốc gia Hà Nội: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET...) hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (đối với khóa tuyển sinh còn trong thời hạn).

+ Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chi tiết danh mục các ngành đủ điều kiện đăng ký xét tuyển thặng xem tại Phụ lục 6.

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học (xem quy định tại điểm b của mục này) có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thặng.

- *Về năng lực ngoại ngữ:* có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại mục 2, phần II của Thông báo này tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển. (***xem Phụ lục 3, Phụ lục 4***)

b) Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học:

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

+ Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

+ Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

c) Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức xét tuyển thẳng đợt 2 năm 2022 trước 12h00 ngày 10/9/2022 ngay sau khi hết hạn thời gian xét duyệt hồ sơ và thông báo kết quả cho thí sinh chậm nhất 1 tuần trước khi tổ chức xét tuyển các đối tượng khác.

Những thí sinh không đạt điều kiện xét tuyển thẳng sẽ được chuyển sang hình thức xét tuyển ngay trong kỳ tuyển sinh đợt 2 năm 2022.

d) Chỉ tiêu xét tuyển thẳng: không vượt quá chỉ tiêu được phân bổ cho mỗi chuyên ngành.

e) Nguyên tắc xét tuyển thẳng: xét đúng các đối tượng đã quy định tại điểm a) của mục này, xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

Phụ lục 3 – Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.

Đối với chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chỉ chấp nhận chứng chỉ đã được quy định theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố (chi tiết mẫu xem tại:

<http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam>).

2. Một số thứ tiếng khác:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	DELF B1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	TPKI-2	DELF B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 4 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		<i>Tiếng Anh (*)</i>	<i>Tiếng Nga</i>	<i>Tiếng Pháp</i>	<i>Tiếng Trung</i>	<i>Tiếng Đức</i>
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

() Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.*

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Phụ lục 6 – Danh sách các ngành đào tạo đại học được đăng kí xét tuyển thẳng

1. Danh sách các chương trình đào tạo được kiểm định (còn thời hạn) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng.

TT	Tên chương trình	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
1.	Văn học	AUN-QA	2017
2.	Tâm lý học	Bộ GD&ĐT, AUN-QA	2017, 2018
3.	Xã hội học	AUN-QA	2018
4.	Chính trị học	AUN-QA	2020
5.	Lịch sử	AUN-QA	2020
6.	Việt Nam học	Bộ GD&ĐT	2017
7.	Quốc tế học	Bộ GD&ĐT	2019
8.	Lưu trữ học	Bộ GD&ĐT	2020

2. Danh sách các chương trình đào tạo chất lượng cao (được nhà nước đầu tư) của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng.

TT	Các chương trình Chất lượng cao
1.	Triết học
2.	Lịch sử
3.	Ngôn ngữ học
4.	Văn học
5.	Tâm lý học
6.	Khoa học quản lí

Ghi chú: Danh mục 1, 2 chỉ áp dụng cho thí sinh dự xét tuyển thẳng đã tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, xếp hạng từ loại Khá trở lên, còn thời hạn trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đăng kí dự thi và đáp ứng các yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ tại **Phụ lục 3** và **Phụ lục 4**.

3. Danh sách các chương trình đào tạo Chuẩn, Chất lượng cao theo Thông tư 23/2014 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng

TT	Ngành tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, loại Giỏi trở lên	Chuyên ngành đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ (bao gồm cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)
1.	Báo chí	Báo chí học
		Quản trị báo chí truyền thông
2.	Chính trị học	Chính trị học
		Hồ Chí Minh học
3.	Công tác xã hội	Công tác xã hội
4.	Đông phương học	Châu Á học
5.	Hán Nôm	Hán Nôm
6.	Khoa học quản lí	Khoa học quản lí
		Quản lí Khoa học và Công nghệ
7.	Lịch sử	Khảo cổ học
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
		Lịch sử sử học và sử liệu học
		Lịch sử thế giới
		Lịch sử văn hóa Việt Nam
		Lịch sử Việt Nam
8.	Lưu trữ học	Lưu trữ học
9.	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học

TT	Ngành tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng, loại Giải trở lên	Chuyên ngành đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ (bao gồm cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)
10.	Nhân học	Nhân học
11.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Du lịch
12.	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng
13.	Quốc tế học	Quan hệ quốc tế
14.	Tâm lí học	Tâm lí học
		Tâm lí học lâm sàng
15.	Thông tin - Thư viện	Khoa học thông tin thư viện
16.	Tôn giáo học	Tôn giáo học
17.	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
		Triết học
18.	Văn học	Lí luận văn học
		Văn học nước ngoài
		Văn học Việt Nam
		Văn học dân gian
19.	Việt Nam học	Việt Nam học
20.	Xã hội học	Xã hội học

4. Danh sách các chương trình đào tạo Chuẩn ngành phù hợp của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội để thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng

TT	Ngành tốt nghiệp đại học chính quy, ngành phù hợp, loại Giải trở lên	Chuyên ngành đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ (bao gồm cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng)
1.	Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật (Khoa Luật, ĐHQGHN)	Chính sách công
2.	Lịch sử	Nhân học
3.	Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lí, Nhân học	Quản lí văn hóa
4.	Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học	Châu Á học
5.	Quan hệ công chúng	Báo chí học
		Quản trị báo chí truyền thông
6.	Quản trị khách sạn	Du lịch
7.	Sư phạm Lịch sử (Trường ĐH Giáo dục)	Khảo cổ học
8.	Sư phạm Ngữ văn (Trường ĐH Giáo dục)	Lí luận văn học
		Văn học nước ngoài
		Văn học Việt Nam
		Văn học dân gian
9.	Thông tin học, Quản lý thông tin	Khoa học thông tin thư viện
10.	Tôn giáo học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
		Triết học
11.	Triết học	Tôn giáo học
12.	Văn học	Lí luận, lịch sử điện ảnh - truyền hình

Yêu cầu chung đối với danh mục 3, 4:

- Tốt nghiệp hệ chính quy, chương trình Chuẩn/Chất lượng cao loại Giỏi trở lên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hoặc của các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.
- Văn bằng còn giá trị thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến thời điểm đăng ký dự thi.
- Có minh chứng đáp ứng điều kiện về chuẩn đầu vào ngoại ngữ theo **Phụ lục 3** và **Phụ lục 4**.
- Có minh chứng về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có).

Phụ lục 2 – Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL <i>không chấp nhận chứng chỉ toefl ibt thi online (home edition)</i>	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)

Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
-------	-----	--------	--	-----------------

Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Đối với chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chỉ chấp nhận chứng chỉ đã được quy định theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố (chi tiết mẫu xem tại: <http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam>).

Phụ lục 2 – Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

2. Một số thứ tiếng khác:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn

Bậc 3	TPKH-1	DELF B1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TES T 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	TPKH-2	DELF B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TES T 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiến g Anh (*)	Tiến ng Nga	Tiến ng Pháp	Tiến ng Trung	Tiến ng Đức	Tiến ng Nhật	Tiến ng Hàn	Tiến ng Thái

	Trường ĐH Ngoại ngữ ĐHQGHN	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Trường ĐH Hà Nội	✓	✓	✓	✓	✓			
	Trường ĐH Ngoại ngữ ĐH Huế	✓	✓	✓	✓				
	Trường ĐH SP TP. Chí Minh	✓	✓	✓	✓				
	Trường ĐH Ngoại ngữ ĐH Đà Nẵng	✓	✓						
	Trường Đại học phạm Hà Nội	✓							
	Đại học Bách khoa Nội	✓							
	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	✓							
	ĐH Thái Nguyên	✓							
	Trường ĐH Cần Thơ	✓							
	Trường Đại học N Cần Thơ	✓							
	Trường ĐH Vinh	✓							
	Học viện An ninh nh dân	✓							
	Học viện Báo chí Tuyên truyền	✓							

	Trường Đại học Thương mại	√							
	Trường Đại học Ngân hàng	√							
	Học viện Khoa học quân sự	√							
	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
	Trường Đại học Quốc gia	√							
	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	√							
	Trường Đại học Sài Gòn	√							
	Trường Đại học Văn Lang	√							
	Trường Đại học Vinh	√							
	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	√							
	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							

	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							
--	---	---	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: () Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELT S	TOEF L	TOEI C	Cambridge Exam
	Educational Testing Service (ETS)		√	√	
	British Council (BC)	√			
	International Development Program (IDP)	√			
	Cambridge ESOL	√			√

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng g Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng g Tru ng</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
	Bộ Giáo dục Pháp		√				
	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			

	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc(*)				√		
	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Ghi chú: () Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2023 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).*